



Phụ lục I
ĐANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 1313/NQ-UBTVQH15
NGÀY 25 THÁNG 9 NĂM 2024 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ VIỆC
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG
TỪ NĂM 2009 ĐẾN HẾT NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

| STT | Nội dung thực hiện | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Tiến độ | Ghi chú |
|--------------------------|--|-----------------|--|-----------|---------|
| 1. Tổng thể chung | | | | | |
| 1.1 | Rà soát tổng thể, hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông để kịp thời thể chế các chủ trương, đường lối, văn bản chỉ đạo của Đảng, nội luật hóa các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; khắc phục những bất cập, hạn chế của các quy định hiện hành, trước mắt tập trung rà soát các quy định của Luật Đường sắt, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và Bộ luật Hàng hải Việt Nam để đề xuất, kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung ban hành mới; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. | Bộ Xây dựng | Bộ Tư pháp | 2025-2026 | |
| 1.2 | Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, phù hợp với từng loại đối tượng, lĩnh vực, địa bàn, gắn với đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hóa giao thông của từng địa phương; ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; xây | Bộ Công an | Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2025-2026 | |

| | | | | | |
|-----|---|------------------------|--|------|--|
| | dựng văn hóa giao thông trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. | | | | |
| 1.3 | Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; xây dựng văn hóa giao thông cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Công an, Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 1.4 | Tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch; đảm bảo kết nối đồng bộ giữa các loại hình giao thông; đầu tư có trọng điểm, tránh dàn trải, lãng phí; ưu tiên tăng nguồn kinh phí, đầu tư trang thiết bị cho hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho các địa phương, nhất là các địa phương có tình hình trật tự, an toàn giao thông phức tạp; kịp thời xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn về tai nạn giao thông; khắc phục cơ bản ùn tắc giao thông tại các đô thị lớn; quan tâm phát triển hệ thống công trình giao thông ngầm, giao thông trên cao; kiên quyết lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông và chống tái lấn chiếm. Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông tiếp cận cho người khuyết tật, người cao tuổi tại các đô thị, các công trình bảo đảm an toàn giao thông cho các đối tượng dễ bị tổn thương tham gia giao thông. | Bộ Xây dựng | Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | | |
| 1.5 | Xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản lý và thi hành pháp luật, bảo đảm kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu đường bộ và các cơ sở dữ liệu khác để hình thành nên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông thống nhất trên toàn quốc. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn khi đầu tư, xây dựng các hạng mục công trình giao thông, quản lý giao thông để tổ chức giao | Bộ Công an | Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ | | |

| | | | | | |
|-----------------------------|--|--------------|--|-----------|--|
| | thông thông minh, nhằm giảm ùn tắc và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. | | | | |
| 2. Lĩnh vực đường bộ | | | | | |
| 2.1a | Đẩy nhanh việc xây dựng, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải, đào tạo, đăng kiểm phương tiện. | Bộ Xây dựng | Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW | | |
| 2.1b | Đẩy nhanh việc xây dựng, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong sát hạch cấp giấy phép lái xe. Đầu tư lắp đặt camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính; hiện đại hoá các trung tâm chỉ huy giao thông. | Bộ Công an | Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | | |
| 2.2 | Hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan đến việc: quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển số xe máy chuyên dùng. | Bộ Tài chính | Bộ Công an | 2026 | |
| 2.3a | Rà soát, tháo gỡ các bất cập liên quan đến: quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trong đó tập trung rà soát bố trí quỹ đất dành cho giao thông tĩnh); tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; xác định và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường bộ đang khai thác; đào tạo, hướng dẫn khám sức khỏe đối với lái xe kinh doanh vận tải và học viên tham gia học lái xe; kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Hoàn thiện định mức kinh tế kỹ thuật kinh phí bảo trì đường bộ cho phù | Bộ Xây dựng | Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2025-2026 | |

| | | | | | |
|---|---|-------------|---|-----------|--|
| | hợp với thực tiễn. Ưu tiên bố trí kinh phí xử lý tại các vị trí, đoạn tuyến có các yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn giao thông; đầu tư, sửa chữa, nâng cấp kết cấu hạ tầng đường bộ, đặc biệt ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. | | | | |
| 2.3b | Rà soát, tháo gỡ các bất cập liên quan đến: sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; đăng ký xe máy chuyên dùng. | Bộ Công an | | 2025-2026 | |
| 2.4 | Rà soát kiến nghị của địa phương về việc xây dựng: quy định về cơ cấu, tổ chức, biên chế hoạt động của các công trình kiểm soát tải trọng xe theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật đường bộ và các văn bản hướng dẫn thi hành; hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải và định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực giao thông vận tải để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện. | Bộ Nội vụ | Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW | 2025-2026 | |
| 2.5 | Xem xét về đề xuất cho phép một số đường dân sinh có lịch sử hình thành từ lâu, lưu lượng giao thông lớn, không thể xây dựng đường gom thành đường ngang hợp pháp để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông theo đề nghị của địa phương. | Bộ Xây dựng | Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW | | |
| 3. Lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa | | | | | |
| 3.1 | Rà soát, nghiên cứu các quy định liên quan đến việc: phân cấp cho địa phương thực hiện công tác quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với các dự án, công trình do ngân sách địa phương thực hiện một phần hoặc toàn phần; đẩy mạnh phân cấp việc quản lý các cảng, bến, tuyến luồng đường thủy nội địa cho địa phương quản lý; | Bộ Xây dựng | Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW | 2025-2026 | Bộ Xây dựng tham mưu trình Chính |

| | | | | | |
|------------------------------|---|-------------|---|-----------|--------------|
| | phân định ranh giới hành chính trên biển, ban hành quy định về mốc giới hành chính trên các tuyến sông tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý người và phương tiện của các địa phương; tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa; quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa cho phù hợp với thực tiễn. | | | | phủ ban hành |
| 3.2 | Rà soát, ban hành văn bản hướng dẫn về việc: xác định, quản lý luồng, tuyến phù hợp với hiện trạng các địa phương ven biển để tránh gây lãng phí, tránh chông chéo trong công tác quản lý hoạt động đường thủy nội địa và hoạt động hàng hải; quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; đăng ký, đăng kiểm đối với trường hợp phương tiện thủy nội địa đã sử dụng nhiều năm, không có hồ sơ gốc và chưa đăng ký, đăng kiểm; nghiên cứu bổ sung chương trình đào tạo cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng về giao thông đường thủy nội địa dành cho người đồng bào dân tộc thiểu số. | Bộ Xây dựng | | 2025-2026 | |
| 3.3 | Xử lý các bất cập về hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trên các tuyến sông do Trung ương quản lý; triển khai cắm mốc hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa. | Bộ Xây dựng | | 2025-2026 | |
| 4. Lĩnh vực đường sắt | | | | | |
| 4.1 | Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án bảo đảm trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt; ban hành Quyết định mới thay thế Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ | Bộ Xây dựng | Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố mà tuyến đường sắt đi qua | 2025-2026 | |

| | | | | | |
|-------------------------------|--|---------------|---|-----------|---|
| | về việc phê duyệt kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt giai đoạn 2014 – 2020. | | | | |
| 4.2 | Tiếp tục phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về đường sắt. | Bộ Xây dựng | Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố mà tuyến đường sắt đi qua | 2025-2026 | Bộ Xây dựng tham mưu trình Chính phủ ban hành |
| 4.3 | Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt đô thị để báo cáo Quốc hội những chính sách phù hợp làm cơ sở xây dựng đường sắt đô thị trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Đường sắt. | Bộ Xây dựng | Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh | 2025-2026 | |
| 4.4 | Trong năm 2025, nghiên cứu lập Đề án xác định ranh giới đất dành cho đường sắt, lập hồ sơ quản lý đất dành cho đường sắt đối với đoạn đường sắt, dự án đường sắt qua địa bàn các tỉnh, trong đó giao đơn vị cụ thể làm chủ đầu tư; sau khi hoàn thành bàn giao hồ sơ cho địa phương quản lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính. | Bộ Xây dựng | | 2025 | |
| 5. Lĩnh vực Hàng không | | | | | |
| 5.1 | Triển khai và đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng sân bay đã được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và đã phê duyệt dự án. | Bộ Xây dựng | Bộ Tài chính | 2025-2026 | |
| 5.2 | Quản lý chặt chẽ hoạt động của máy bay không người lái, phương tiện bay không người lái để bảo đảm an toàn hàng không dân dụng. | Bộ Quốc phòng | Bộ Xây dựng | 2025-2026 | |

| | | | | | |
|------|--|-------------|---------------|-----------|--|
| 5.3a | Phối hợp với các địa phương trong thực hiện dịch vụ vận chuyển hành khách, xây dựng các tuyến đường để kết nối từ khu trung tâm đô thị, trung tâm du lịch đến các cảng hàng không và ngược lại, điều chỉnh mở rộng nút giao thông đến và đi từ các nhà ga của cảng hàng không. | Bộ Xây dựng | Bộ Quốc phòng | 2025-2026 | |
| 5.3b | Phối hợp với các địa phương trong công tác đảm bảo nguồn lực giám sát an ninh an toàn hàng không nhằm đáp ứng, duy trì và nâng cao việc thực thi hiệu quả hệ thống giám sát an ninh, an toàn hàng không. | Bộ Công an | Bộ Quốc phòng | 2025-2026 | |



Phụ lục II
DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN RÀ SOÁT,
NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BAN HÀNH MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ)

| TT | TÊN LOẠI VĂN BẢN | Cơ quan chủ trì | Tiến độ | Ghi chú |
|-----------|--|-----------------|------------------------------------|---------|
| I | LUẬT | | | |
| 1 | Luật Giao thông đường thủy nội địa | Bộ Xây dựng | Theo tiến độ đề nghị xây dựng Luật | |
| 2 | Luật Đường sắt | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 3 | Bộ Luật Hàng hải Việt Nam | Bộ Xây dựng | Theo tiến độ đề nghị xây dựng Luật | |
| 4 | Luật Hàng không dân dụng Việt Nam | Bộ Xây dựng | Theo tiến độ đề nghị xây dựng Luật | |
| 5 | Luật Xử lý vi phạm hành chính | Bộ Tư pháp | 2025 | |
| 6 | Luật Ngân sách Nhà nước | Bộ Tài chính | 2025 | |
| 7 | Luật Đấu thầu | Bộ Tài chính | 2025 | |
| 8 | Bộ Luật Hình sự | Bộ Công An | 2025 | |
| 9 | Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp | Bộ Tài chính | 2025 | |
| 10 | Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | Bộ Tài chính | 2027 | |
| II | NGHỊ ĐỊNH | | | |
| 1 | Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ Về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ | Bộ Quốc phòng | 2025 | |
| 2 | Nghị định số 166/2023/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính | Bộ Công an | 2025 | |
| 3 | Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ | Bộ Xây dựng | 2025 | |

| | | | | |
|----|--|--|---|--|
| | quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải | | | |
| 4 | Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 5 | Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16/04/2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt | Bộ Xây dựng | Sau khi Luật Đường sắt (sửa đổi) được thông qua | |
| 6 | Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên | Bộ Tài chính | 2025 | |
| 7 | Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước | Bộ Xây dựng và Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch | 2025 | |
| 8 | Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP, Nghị định số 168/2024/NĐ-CP) | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 9 | Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 2025 | |
| 10 | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính | Bộ Nội vụ | 2025 | |

| | | | | |
|------------|--|---------------------|------|--|
| | phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | | | |
| 11 | Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 12 | Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính | Bộ Công an | 2025 | |
| 13 | Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra | Thanh tra Chính phủ | 2025 | |
| 14 | Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành | Thanh tra Chính phủ | 2025 | |
| 15 | Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/1/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| III | THÔNG TƯ | | | |
| 1 | Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ GTVT Quy định các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 2 | Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài | Bộ Tài chính | 2025 | |

| | | | | |
|---|---|--------------|------|--|
| | chính Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT (Thông tư số 28/2019/TT-BTC Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018) | | | |
| 3 | Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ GTVT Quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 4 | Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ GTVT Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 5 | Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ GTVT Quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 6 | Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 | Bộ Tài chính | 2025 | |
| 7 | Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện | Bộ Tài chính | 2025 | |

| | | | | |
|-----------|--|-------------|------|---|
| | và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng | | | |
| IV | QUYẾT ĐỊNH | | | |
| 1 | Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ Về tổ chức và hoạt động của Ủy ban ATGT Quốc gia và Ban ATGT các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Bộ Công an | 2025 | Theo chỉ đạo của Chính phủ tại Văn bản số 2593/VPCP-CN ngày 28/3/2025 |
| 2 | Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 28/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu ngành giao thông vận tải | Bộ Xây dựng | 2025 | |
| 3 | Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ, đường sắt giai đoạn 2014 - 2020 | Bộ Xây dựng | 2025 | |